

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 6 - 2021

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc Bích N, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 16/20, đường Q, khóm H, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thanh C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 429, ấp 1, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2021 và ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bà Phan Ngọc Bích N là nguyên đơn trình bày: Bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C sống chung vào năm 2009, không tổ chức cưới gả theo phong tục cũng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2011 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không C tiếng nói chung, không C sự hòa hợp với nhau. Nay bà N xác định không C tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Phan Ngọc Bích N xác định có 01 người con chung tên Trương Ngọc Thảo Ng, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay cháu Ng đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc Bích N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan Ngọc Bích N khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại ông, bà.

- *Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 11/6/2021, ông Trương Thanh C là bị đơn trình bày:*

Về thời gian chung sống và mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như bà N trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Nay bà N xác định không C tình cảm với ông và yêu cầu xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông Trương Thanh C xác định có 01 người con chung tên Trương Ngọc Thảo Nguyên, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay cháu Ng đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Trương Thanh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trương Thanh C khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại ông, bà.

Do ông bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa xét xử nên ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cả hai đương sự đều đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Thanh C có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông C không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông C đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống bà N xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông C thống nhất ly hôn. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân là mối quan hệ mà cả hai phải cùng có trách nhiệm và tinh thần tự nguyện, xây dựng, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau nhưng hiện nay cả hai đều xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C không thể tiếp tục duy trì được nữa. Mặt khác, do bà N và ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N cho bà được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C xác định có 01 người con chung tên Trương Ngọc Thảo Ng, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay cháu Ng đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, ông C thống nhất giao cháu Nguyên cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà N và ông C là phù hợp và không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu Ng cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông C thống nhất ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy cả hai đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho mức thu nhập của anh C hiện nay cụ thể là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức thu nhập cơ bản bình quân của vùng để tính mức cấp dưỡng đối với ông C. Buộc ông C cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C xác định không có Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà N phải nộp theo quy định. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông C phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc Bích N.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Ngọc Bích N và ông Trương Thanh C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Thảo Ng, sinh ngày 25/10/2010 hiện đang sống chung với bà N và ông C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Trương Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) /tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đúng quy định, nếu không C phải chịu thêm khoản lãi của số tiền chậm

thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Phan Ngọc Bích N phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 20/5/2021 bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001081 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng ông Trương Thanh C phải nộp là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

